

Số: *1278* /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày *10* tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án đơn giản hóa để triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai, Môi trường, Tài nguyên nước, Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 và làm cơ sở triển khai thực hiện những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 290/TTr-STNMT ngày 25/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đơn giản hóa đối với 17 thủ tục hành chính để triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả trong lĩnh vực Đất đai, Môi trường, Tài nguyên nước, Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, như sau:

1. Lĩnh vực Đất đai

1.1. Thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (có đối tượng thực hiện là hộ gia đình, cá nhân)

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.002273.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 17%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp là chủ dự án.

Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng: 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.2. Thủ tục: Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (có đối tượng thực hiện là hộ gia đình, cá nhân)

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.004227.000.00.00.H12

Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 10%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Lĩnh vực Môi trường

2.1. Thủ tục: Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.004129.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 17%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Lĩnh vực Tài nguyên nước

3.1. Thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.001770.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.2. Thủ tục: Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.004283.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.3. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.001850.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 67 ngày làm việc xuống còn 37 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 45%), kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án.

3.4. Thủ tục: Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.001740.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 67 ngày làm việc xuống còn 37 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 45%), kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án.

4. Lĩnh vực Biển và Hải đảo

4.1. Thủ tục: Cấp giấy phép nhận chìm ở biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.005189.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 60 ngày làm việc xuống còn 28 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 53%), để thực hiện.

4.2. Thủ tục: Gia hạn giấy phép nhận chìm ở biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.000472.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 51%), để thực hiện.

4.3. Thủ tục: Sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.000969.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 39 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 51%), để thực hiện.

4.4. Thủ tục: Trả lại giấy phép nhận chìm

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.000942.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 51%), để thực hiện.

4.5. Thủ tục: Cấp lại giấy phép nhận chìm

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.000444.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 44%), để thực hiện.

4.6. Thủ tục: Giao khu vực biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.005401.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 46 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 13%), để thực hiện.

4.7. Thủ tục: Gia hạn quyết định giao khu vực biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.004935.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 36 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 39%), để thực hiện.

4.8. Thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.005400.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 31 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 32%), để thực hiện.

4.9. Thủ tục: Trả lại khu vực biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.005399.000.00.00.H12

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 37 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc (tỷ lệ cắt giảm 35%), để thực hiện.

4.10. Thủ tục: Thu hồi khu vực biển

Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.001722.000.00.00.H12

- Trường hợp thu hồi khu vực biển theo quy định tại các điểm a, c và d, khoản 1, Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP: Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 38 ngày xuống còn 23 ngày (tỷ lệ cắt giảm 39%), để thực hiện.

- Trường hợp thu hồi khu vực biển theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP: Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 32 ngày xuống còn 20 ngày (tỷ lệ cắt giảm 38%), để thực hiện.

3. Lý do đơn giản hóa (Điều 1 Quyết định này)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, giảm chi phí tuân thủ quy định về thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; đồng thời, nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh. Rút ngắn thời gian chờ đợi, giảm thiểu phiền hà, phục vụ tốt hơn nhu cầu chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thời hạn đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1 của Quyết định này.

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ quy trình nội bộ, liên thông và điện tử theo đúng thời hạn đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1 của Quyết định này; hoàn thành xong trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, điều chỉnh thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1 của Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (Cổng Dịch vụ công quốc gia) để thực hiện thống nhất, đồng bộ và niêm yết công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VIC);
- Thủ tướng Chính phủ (VIC, báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (VIC, báo cáo);
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- Văn phòng: TU, HĐND tỉnh (VIC);
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Sở Thông tin và Truyền thông (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (VIC);
- Lưu: VT, CCHC (Đời84, VIC), M.A50/7.



Lê Văn Sử